

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị: Chi nhánh cấp nước số Vụ Bản
- Vị trí lấy mẫu: Lấy tại điểm lấy mẫu trước khi lên dây chuyền sản xuất.
- Loại mẫu: Nước mặt
- Mã mẫu: NVB
- Ngày lấy mẫu: 07/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa 1 lít (dùng cho chỉ tiêu hoá lý), chai thủy tinh đã được hấp sấy tiệt trùng (dùng cho vi sinh), bảo quản lạnh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 07/04 đến ngày 09/04/2026
- Kết quả thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa cho phép
1	Độ đục *	M.13 (Máy đo)	NTU	25,0	-
2	pH *	M.11 (TCVN 6492:2011)	-	7,70	6,5 - 8,5
3	COD	TCVN 6191:1999	mg/l	3,7	10
4	Amoni (NH ₄ ⁺ ·N)	HACH 8038	mg/l	0,24	0,3
5	Colifom tổng số*	M.01 (TCVN 6187-1:2019)	CFU/100ml	1490	1000
6	E.Coli*	M.01 (TCVN 6187-1:2019)	CFU/100ml	50	20
7	Độ cứng (CaCO ₃)*	M.10 (TCVN 6224:1996)	mg/l	94,0	-
8	Clorua (Cl)*	M.09 (TCVN 6194:1996)	mg/l	< 5,0	250
9	Sắt (Fe)*	M.06 (HACH 8008)	mg/l	0,31	0,5
10	Mangan (Mn)*	M.05 (HACH 8149)	mg/l	0,051	0,1
11	Hàm lượng Sunphat*	M.04 (HACH 10248)	mg/l	9	-
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ ·N)*	M.03 (TCVN 6180:1996)	mg/l	0,988	-
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ ·N)*	M.02 (TCVN 6178:1996)	mg/l	0,048	0,05

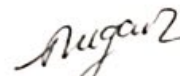
TRƯỞNG PHÒNG QLCL



Hoàng Thị Thu Quỳnh

Q.13-F02, Rv02-01/07/2021

Ngày 09 tháng 04 năm 2026
 KIỂM NGHIỆM VIÊN



Mai Thị Thủy Ngân
 Trang: 1/2

Ghi chú:

1. """" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
2. Không sao chép từng phần phiếu kết quả này khi không được sự đồng ý của phòng Thí nghiệm
3. Sử dụng giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị: Chi nhánh cấp nước Vụ Bản
2. Địa điểm, vị trí lấy mẫu: Lấy tại đầu vòi nước thành phẩm của Chi nhánh
3. Loại mẫu: Nước sạch
4. Mã mẫu: PVB
5. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026
6. Tình trạng mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa 1 lít (dùng cho chỉ tiêu hoá lý), chai thủy tinh đã được hấp sấy tiệt trùng (dùng cho vi sinh), bảo quản lạnh.
7. Thời gian thử nghiệm: 07/04 – 09/04/2026
8. Kết quả thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa cho phép
1	Màu sắc *	M.12 (HACH 8025)	TCU	3	15
2	Mùi	Cảm quan	-	không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục *	M.13 (Máy đo)	NTU	< 0,5	2
4	pH *	M.11 (TCVN 6492:2011)	-	7,65	6,0-8,5
5	Clo dư tự do *	M.07 HACH 8021	mg/l	0,5	0,2-1,0
6	Permanganat*	M.08 (TCVN 6186:1996)	mg/l	0,58	2
7	Amoni(NH ₄ ⁺ N)	HACH 8038	mg/l	0,13	1
8	Asen (As)**	TCVN 6626:2000	mg/l	< 0,002	0,01
9	Colifom tổng số*	M.01 (TCVN6187-1:2019)	CFU/100ml	KPH (LOQ=1)	< 1
10	E.Coli*	M.01 (TCVN6187-1:2019)	CFU/100ml	KPH (LOQ=1)	< 1
11	Độ cứng (CaCO ₃)*	M.10 (TCVN 6224:1996)	mg/l	92,0	300
12	Clorua (Cl)*	M.09 (TCVN 6194:1996)	mg/l	7,94	250
13	Sắt (Fe)*	M.06 (HACH 8008)	mg/l	< 0,02	0,3
14	Mangan (Mn)*	M.05 (HACH 8149)	mg/l	0,007	0,1
15	Hàm lượng Sunphat*	M.04 (HACH 10248)	mg/l	9	250



16	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)*	M.03 (TCVN 6180:1996)	mg/l	1,143	11
17	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)*	M.02 (TCVN 6178:1996)	mg/l	< 0,25	0,9

TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Hoàng Thị Thu Quỳnh

Ngày 09 tháng 04 năm 2026
KIỂM NGHIỆM VIÊN

Hai Thị Thủy Ngân

Ghi chú:

1. """" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
2. """" Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình
3. Không sao chép từng phần phiếu kết quả này khi không được sự đồng ý của phòng Thí nghiệm
4. Sử dụng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT